

Phụ lục II
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ
ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH
NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (16
TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
A	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (16 TTHC)	
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (12 TTHC)	
1	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
2	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
3	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
4	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
5	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
6	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	
7	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	
8	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	
9	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
10	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
11	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
12	Phê duyệt phương án sử dụng rừng để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	
II	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (04 TTHC)	
1	Cấp lại giấy phép tiếp cận nguồn gen	
2	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	
3	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	
4	Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	
B	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 TTHC)	
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (02 TTHC)	
1	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	
2	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

CỤM TỪ VIẾT TẮT:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức Bộ phận Một cửa: CCMC
- Thủ tục hành chính: TTHC
- Hội đồng nhân dân: HĐND
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Chi cục Kiểm lâm: CCKL
- Kiểm lâm: KL
- Công chức: CC
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Sử dụng và phát triển rừng: SD&PTR
- Quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên: QLVR&BTTN
- Phòng Kinh tế xã/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường: Phòng Kinh tế cấp xã.

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (16 TTHC)

I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (12 TTHC)

1. Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý

- Thời gian thực hiện TTHC: 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức/cá nhân hoàn thiện; trường hợp hồ sơ đầy đủ thì lập Giấy biên nhận, nhập hồ sơ điện tử và chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức thụ lý, xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	¼ ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Kiểm tra, thẩm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: tham mưu lãnh đạo CCKL trình Sở NN&MT ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tham mưu lãnh đạo CCKL báo cáo Sở NN&MT gửi hồ sơ đến Hội đồng thẩm định do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập.	Công chức Phòng QLVR&BTTN	04 ngày
B4	Tổ chức thẩm định hồ sơ; hoàn thành Báo cáo thẩm định và gửi kết quả cho Sở NN&MT. Trường hợp không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Hội đồng thẩm định	05 ngày
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định; hoàn thiện hồ sơ; tham mưu dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định.	Công chức Phòng QLVR&BTTN	03 ngày
B6	Xem xét hồ sơ, ký nháy và trình lãnh đạo CCKL.	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	½ ngày
B7	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B8	Xem xét, ký Tờ trình gửi Chủ tịch UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B9	Xem xét, ban hành Quyết định điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng; chuyển kết quả đến TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B10	Trả kết quả giải quyết TTHC; thống kê, theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
Tổng thời gian thực hiện			18 ngày

2. Nhóm 02 TTHC:

2.1. Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2.2. Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	----------	-----------------------	---------------------

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng SD&PTR.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: tham mưu văn bản của Sở NN&MT thông báo cho chủ rừng hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: chuẩn bị hồ sơ, dự thảo văn bản của Sở NN&MT gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.	Công chức Phòng SD&PTR	02 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản, trình lãnh đạo CCKL.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	½ ngày
B5	Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản, trình lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B6	Xem xét, ký văn bản gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B7	Tham gia ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi Sở NN&MT.	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	10 ngày
B8	Tổng hợp ý kiến thẩm định; hoàn thiện báo cáo thẩm định; dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT và dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh; trình lãnh đạo Phòng. Trường hợp thẩm định không đạt thì tham mưu văn bản thông báo và nêu rõ lý do.	Công chức Phòng SD&PTR	03 ngày
B9	Xem xét hồ sơ và dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định; trình lãnh đạo CCKL.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	½ ngày
B10	Xem xét hồ sơ và dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định; trình lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B11	Xem xét, ký Tờ trình và hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B12	Xem xét, ký ban hành Quyết định phê duyệt đề án; chuyển kết quả đến TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	05 ngày
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng SD&PTR.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện			25 ngày

3. Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng SD&PTR.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: tham mưu văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tham mưu giao Hạt Kiểm lâm khu vực kiểm tra hiện trạng rừng, bản đồ hiện trạng rừng, ranh giới khu rừng; kiểm tra hiện trường và nội dung giao rừng, cho thuê rừng theo quy định; dự thảo văn bản xử lý trình lãnh đạo Phòng.	Kiểm lâm viên Phòng SD&PTR	08 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý; trình lãnh đạo CCKL.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	½ ngày
B5	Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý; trình lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B6	Xem xét, ký Tờ trình trình Chủ tịch UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	½ ngày
B7	Xem xét hồ sơ; ban hành Quyết định giao rừng, cho thuê rừng. Trường hợp không quyết định thì ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Chủ tịch UBND tỉnh	05 ngày
B8	Tổ chức bàn giao rừng cho tổ chức, cá nhân theo quy định.	Sở NN&MT	Không tính thời hạn
B9	Trả kết quả giải quyết TTHC; thống kê và theo dõi hồ sơ.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
Tổng thời gian thực hiện			20 ngày

4. Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ;	CCMC tại	¼ ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng SD&PTR.	TTPVHCC tỉnh/xã, phường	
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: tham mưu văn bản của Sở NN&MT thông báo cho chủ rừng hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tham mưu xây dựng dự thảo văn bản của Sở NN&MT gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, tổ chức có liên quan; trường hợp khu vực giáp ranh, liên quan đất quốc phòng hoặc khu vực biên giới thì lấy ý kiến cơ quan quân sự tại địa phương; tổng hợp ý kiến, dự thảo báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.	Công chức Phòng SD&PTR	12 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý; trình lãnh đạo CCKL.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	½ ngày
B5	Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý; trình lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B6	Xem xét, ký duyệt văn bản trình Chủ tịch UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B7	Xem xét, ban hành Quyết định chuyển loại rừng; chuyển kết quả đến TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; thống kê và theo dõi hồ sơ.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
	Tổng thời gian thực hiện		18 ngày làm việc

5. Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

- **Trường hợp 1 (TH1):** Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác không thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành hoặc khu vực có liên quan, gần với khu vực quốc phòng, khu vực phòng thủ, trọng yếu về quốc phòng.

Thời gian thực hiện TTHC: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- **Trường hợp 2 (TH2):** Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành hoặc khu vực có liên quan, gần với khu vực quốc phòng, khu vực phòng thủ, trọng yếu về quốc phòng

Thời gian thực hiện TTHC: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	¼ ngày	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: tham mưu văn bản của Sở NN&MT thông báo và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tham mưu tổ chức kiểm tra, xác minh	Công chức Phòng QLVR&BTTN	½ ngày	½ ngày
B4	Tổ chức kiểm tra, xác minh hồ sơ đề nghị điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và thực hiện thẩm định	Sở NN&MT, CCKL và các đơn vị có liên quan	09 ngày	09 ngày
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định: - Trường hợp không đủ điều kiện: tham mưu văn bản trả lời tổ chức, cá nhân. - Trường hợp đủ điều kiện: dự thảo báo cáo thẩm định của Sở NN&MT; dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh	Công chức Phòng QLVR&BTTN	01 ngày	01 ngày
B6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	½ ngày	½ ngày
B7	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	½ ngày	½ ngày
B8	Xem xét, ký báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	½ ngày	½ ngày
B9	Xem xét, ký văn bản gửi các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng xin ý kiến	Chủ tịch UBND tỉnh	Không thực hiện	02 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B10	Tham gia ý kiến bằng văn bản	Các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng		10 ngày
B11	Hoàn thiện hồ sơ, trình HĐND tỉnh xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng	UBND tỉnh	03 ngày	03 ngày
B12	Xem xét quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng; chuyển kết quả cho UBND tỉnh và TTPVHCC	HĐND tỉnh	Theo quy chế làm việc của HĐND tỉnh	
B13	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn	
Tổng thời gian thực hiện			16 ngày	28 ngày

6. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức

- Thời gian thực hiện TTHC: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ không hợp lệ tham mưu văn bản của Sở NN&MT thông báo và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT và dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Công chức Phòng QLVR&BTTN	02 ngày
B4	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	½ ngày
B5	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B6	Xem xét hồ sơ, ký Tờ trình trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Xem xét, ký ban hành Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; trường hợp không quyết định thì ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
Tổng thời gian thực hiện			08 ngày làm việc

7. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

- Trường hợp 1: Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác không thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành hoặc khu vực có liên quan, gần với khu vực quốc phòng, khu vực phòng thủ, trọng yếu về quốc phòng.

Thời gian thực hiện TTHC: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Trường hợp 2: Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành hoặc khu vực có liên quan, gần với khu vực quốc phòng, khu vực phòng thủ, trọng yếu về quốc phòng.

Thời gian thực hiện TTHC: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	¼ ngày	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ không hợp lệ tham mưu văn bản của Sở NN&MT thông báo và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ tham mưu tổ chức kiểm tra, xác minh	Công chức Phòng QLVR&BTTN	½ ngày	½ ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B4	Tổ chức kiểm tra, xác minh hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và thực hiện thẩm định	Sở NN&MT, CCKL và các cơ quan, đơn vị liên quan	09 ngày	09 ngày
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định: trường hợp không đủ điều kiện tham mưu văn bản trả lời; trường hợp đủ điều kiện dự thảo báo cáo thẩm định của Sở NN&MT và dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh	Công chức Phòng QLVR&BTTN	01 ngày	01 ngày
B6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	½ ngày	½ ngày
B7	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	½ ngày	½ ngày
B8	Xem xét, ký báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	½ ngày	½ ngày
B9	Xem xét, ký văn bản gửi các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng xin ý kiến	Chủ tịch UBND tỉnh	Không thực hiện	02 ngày
B10	Tham gia ý kiến bằng văn bản	Các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng	Không thực hiện	10 ngày
B11	Hoàn thiện hồ sơ, trình HĐND tỉnh xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng	UBND tỉnh	03 ngày	03 ngày
B12	Xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng; chuyển kết quả đến UBND tỉnh và TTPVHCC	HĐND tỉnh	Theo quy chế làm việc của HĐND tỉnh	
B13	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn	
Tổng thời gian thực hiện			16 ngày	28 ngày

8. Nhóm 02 TTHC:

8.1. Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

8.2. Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Thời gian thực hiện TTHC: 23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ không hợp lệ tham mưu văn bản của Sở NN&MT thông báo và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ tham mưu CCKL báo cáo Sở NN&MT trình Chủ tịch UBND tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của các đơn vị liên quan	Công chức Phòng QLVR&BTTN	01 ngày
B4	Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng	Các đơn vị có liên quan	03 ngày
B5	Tổng hợp ý kiến, hoàn thiện hồ sơ phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng; trình Hội đồng thẩm định do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập	Công chức Phòng QLVR&BTTN	05 ngày
B6	Tổ chức thẩm định phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng; hoàn thành báo cáo thẩm định gửi Sở NN&MT	Hội đồng thẩm định	05 ngày
B7	Hoàn thiện hồ sơ, dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng	Công chức Phòng QLVR&BTTN	03 ngày
B8	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	½ ngày
B9	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B10	Xem xét, ký Tờ trình trình Chủ tịch UBND	Lãnh đạo Sở	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	tỉnh	NN&MT	
B11	Xem xét, ban hành quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B12	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
Tổng thời gian thực hiện			23 ngày

9. Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; lập giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; cập nhật hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến Phòng SD&PTR – CCKL	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì tham mưu thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do	Kiểm lâm viên Phòng SD&PTR	1/2 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B5	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B6	Xem xét, ký duyệt văn bản; trình Chủ tịch UBND tỉnh ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/4 ngày
B7	Xem xét, ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Chủ tịch UBND tỉnh	1/4 ngày
B8	Tổ chức xác minh, kiểm tra hiện trường (nếu cần); tổ chức họp Hội đồng thẩm định; tổng hợp ý kiến thẩm định	Hội đồng thẩm định	10 ngày
B9	Dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định của Sở NN&MT	Kiểm lâm viên Phòng SD&PTR	1/2 ngày
B10	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo Báo cáo thẩm định, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B11	Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B12	Xem xét, ký duyệt văn bản; trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thanh lý rừng trồng	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B13	Xem xét, ký Quyết định thanh lý rừng trồng; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày
B14	Trả kết quả giải quyết TTHC; thống kê, theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
Tổng thời gian thực hiện			15 ngày làm việc

10. Phê duyệt phương án sử dụng rừng để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; lập giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; cập nhật hồ sơ điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; chuyển hồ sơ đến Phòng SD&PTR	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: tham mưu văn bản của Sở NN&MT thông báo cho tổ chức hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tham mưu tổ chức kiểm tra, xác minh; tổng hợp kết quả kiểm tra; xây dựng dự thảo Báo cáo kết quả kiểm tra và Tờ trình của Sở NN&MT	Công chức Phòng SD&PTR	6,5 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	01 ngày
B5	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày
B6	Xem xét hồ sơ, ký duyệt Báo cáo và Tờ trình của Sở NN&MT, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B7	Xem xét, quyết định phê duyệt phương án sử dụng rừng; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	05 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thống kê, theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
		phường	
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

II. LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (04 TTHC)

1. Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen

- Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; lập Giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thông báo cho tổ chức và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ dự thảo báo cáo của Sở NN&MT và dự thảo văn bản xử lý của Chủ tịch UBND tỉnh (quyết định cấp lại hoặc văn bản từ chối)	Công chức Phòng QLVR&BTTN	½ ngày
B4	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	½ ngày
B5	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	¼ ngày
B6	Xem xét, ký văn bản xử lý; trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	¼ ngày
B7	Xem xét, ký quyết định cấp lại giấy phép hoặc văn bản trả lời không cấp lại; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
Tổng thời gian thực hiện			03 ngày

2. Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen

Thời gian thực hiện TTHC: 18 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; lập Giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	½ ngày
B3	Kiểm tra, thẩm tra hồ sơ; tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định; chuẩn bị nội dung thẩm định	Công chức Phòng QLVR&BTTN	02 ngày
B4	Tổ chức thẩm định hồ sơ; tổng hợp, hoàn thành báo cáo thẩm định	Hội đồng thẩm định	10 ngày
B5	Dự thảo Tờ trình đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen và dự thảo văn bản xử lý của Chủ tịch UBND tỉnh	Công chức Phòng QLVR&BTTN	½ ngày
B6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	½ ngày
B7	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B8	Xem xét, ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	½ ngày
B9	Đóng dấu, phát hành hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	¼ ngày
B10	Xem xét, quyết định cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen hoặc văn bản trả lời; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B11	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
Tổng thời gian thực hiện			18 ngày

3. Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen

Thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; lập Giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	¼ ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thông báo cho tổ chức và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ tham mưu thẩm định và dự thảo văn bản xử lý của Chủ tịch UBND tỉnh (quyết định gia hạn hoặc văn bản từ chối)	Công chức Phòng QLVR&BTTN	05 ngày
B4	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	¼ ngày
B5	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B6	Xem xét, ký duyệt hồ sơ; chuyển văn thư trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	½ ngày
B7	Đóng dấu, phát hành hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	¼ ngày
B8	Xem xét, quyết định gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen hoặc văn bản trả lời; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B9	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
Tổng thời gian thực hiện			10 ngày làm việc

4. Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại

Thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; lập Giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thông báo cho tổ chức và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ tổ chức thẩm định và dự thảo văn bản xử lý của Chủ tịch	Công chức Phòng QLVR&BTTN	03 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	UBND tỉnh (Quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại hoặc văn bản từ chối)		
B4	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLBVR&BTTN	¼ ngày
B5	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B6	Xem xét, ký duyệt hồ sơ; chuyển Văn thư Sở trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	½ ngày
B7	Đóng dấu, phát hành hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	¼ ngày
B8	Xem xét, quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài hoặc văn bản trả lời; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	02 ngày
B9	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
Tổng thời gian thực hiện			07 ngày

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (02 TTHC)

1. Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế cấp xã	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã	¼ ngày
B3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: trường hợp hồ sơ không hợp lệ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ	Công chức Phòng Kinh tế cấp xã	½ ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	tham mưu xác minh hồ sơ		
B4	Tham mưu UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xác minh hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vốn vay tại ngân hàng; lập biên bản xác minh điều kiện hỗ trợ theo quy định	UBND cấp xã và các cơ quan liên quan	09 ngày
B5	Xem xét hồ sơ, ký văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
B6	Xem xét, ký ban hành quyết định hỗ trợ lãi suất vốn vay tại ngân hàng; trường hợp không hỗ trợ thì ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do; chuyển kết quả đến UBND cấp xã	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	Không tính thời hạn
Tổng thời gian thực hiện			12 ngày

2. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân

- Thời gian thực hiện TTHC: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến phòng Kinh tế cấp xã	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	½ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Kinh tế cấp xã	½ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ không hợp lệ tham mưu văn bản trả lời và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ lập Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Công chức phòng Kinh tế cấp xã	04 ngày
B4	Xem xét hồ sơ, trình Chủ tịch UBND cấp xã	Lãnh đạo phòng	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Kinh tế cấp xã	
B5	Xem xét, ban hành quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc văn bản trả lời; chuyển kết quả đến TTPVHCC cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã	03 ngày
B6	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	Không tính thời hạn
Tổng thời gian thực hiện			08 ngày
